Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 220KV PẮC MA - MƯỜNG TÈ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Đường dây 220kV Pắc Ma - Mường Tè.

- Địa điểm thực hiện: Huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia.

Đại diện: Ông Phạm Lê Phú; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 18 Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024.2222 6666 Fax: 024.2220 4455.

- Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc.

Đại diện: Ông Hoàng Văn Tuyên; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 4 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024.3984 0823.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Xây dựng mới đường dây truyền tải điện: Tuyến đường dây 220kV với tổng chiều dài khoảng 30,9km với tổng số 62 móng cột, đi qua các xã/thị trấn (xã Mường Tè, xã Nậm Khao, xã Bum Tở, thị trấn Mường Tè, xã Bum Nưa và xã Vàng San) thuộc huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; 02 mạch tuyến đường dây.

- Mở rộng trạm biến áp 220kV Mường Tè: Lắp đặt thiết bị liên quan cho 02 ngăn lộ 220kV đi Pắc Ma và liên kết hệ thống thông tin cho đường dây 220kV Pắc Ma - Mường Tè trong phần diện tích hiện có của trạm biến áp 220kV Mường Tè.

- Tọa độ vị trí cột của tuyến đường dây:

Vị trí cột	Góc lái	Tọa độ		Vị trí cột	Góc lái	Tọađộ	
		X	Y			X	Y
1	G1	2487481,649	461306,523	32	G12	2478235,721	474624,887
2		2486870,885	461326,795	33		2477871,991	475100,588
3	G2	2486434,613	461341,276	34		2477737,450	475276,545
4		2485654,155	461830,093	35	G13	2477088,874	476124,780
5		2485250,794	462082,725	36		2476457,139	476561,864
6	G3	2484871,565	462320,244	37	G14	2476158,267	476768,647
7	G4	2483864,007	462281,208	38		2476096,864	477479,701
8	G5	2483393,674	462454,044	39		2476055,052	477963,899
9		2483334,169	462649,068	40		2476026,979	478288,989
10		2483104,993	463400,184	41		2476004,575	478548,423
11		2482966,694	463853,454	42	G15	2475982,245	478807,010

Vị trí cột	Góc lái	Tọa độ		Vị trí cột	Góc lái	Tọađộ	
		X	Y			X	Y
12	G6	2482736,463	464608,027	43		2475789,071	479187,742
13		2482208,469	465312,281	44	G16	2475728,848	479306,437
14		2481924,917	465690,492	45	G17	2475503,620	479477,976
15	G7	2481631,740	466081,540	46		2475445,722	479656,313
16		2480880,274	467198,109	47		2475360,503	479918,808
17	G8	2480288,641	468077,189	48		2475237,415	480297,946
18		2480187,976	468334,145	49		2475052,129	480868,666
19		2480054,691	468674,369	50	G18	2474906,003	481318,765
20		2479997,641	468819,992	51		2474681,421	481743,551
21		2479923,826	469008,414	52		2474346,814	482376,442
22		2479787,463	469356,492	53		2474225,853	482605,234
23	G9	2479655,566	469693,172	54	G19	2474101,962	482839,567
24		2479511,666	469997,683	55		2474033,771	482938,431
25		2479238,124	470576,534	56		2473742,327	483360,968
26		2479026,132	471025,137	57		2473237,794	484092,443
27	G10	2478816,516	471468,713	58	G20	2473113,582	484272,527
28		2478828,755	472574,550	59		2472874,884	484683,773
29		2478835,666	473199,004	60		2472613,446	485134,198
30	G11	2478839,380	473534,595	61	G21	2472402,144	485498,244
31		2478431,096	474272,013	62	G22	2472524,136	485693,238

1.2. Các hạng mục công trình của dự án:

- Tuyến đường dây 220kV có tổng chiều dài khoảng 30,9km với các thông số chính như sau:

Điểm đầu: Pooctich TBA 220kV Pắc Ma;

Điểm cuối: Pooctich TBA 220kV Mường Tè;

Cấp điện áp: 220kV;

Số mạch: 02;

Dây dẫn: 2xACSR330/43;

Dây chống sét: Dây TK70 và OPGW80;

Cách điện: Dùng cách điện treo chế tạo theo tiêu chuẩn IEC;

Cột: Dùng cột thép hình mạ kẽm nhúng nóng;

Móng: Móng trụ chiều sâu đặt móng dự kiến từ 3-5m;

Tổng số móng cột: 62 móng cột;

Chiều dài khoảng cột trung bình dự kiến: 300m - 500m.

- Mở rộng TBA 220kV Mường Tè: Lắp đặt thêm một số thiết bị tại TBA 220kV Mường Tè (chi tiết tại nội dung báo cáo ĐTM).

1.3. Công nghệ sản xuất: Công nghệ dẫn điện trên không, truyền tải điện từ TBA 220kV Pắc Ma về TBA220 kV Mường Tè.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng:

+ Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu;

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân xây dựng;

+ Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công móng cột;

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng từ hoạt động xây dựng;

+ Thu hồi đất rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thi công móng cột và đảm bảo hành lang an toàn cho tuyến đường dây.

- Trong giai đoạn vận hành:

Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ đường dây.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Khối lượng khoảng 2,5m^3/ngày/01 lán trại với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, nitơ, phốt pho, coliform.

+ Nước thải xây dựng: Khối lượng khoảng 26,2 m^3/01 móng cột với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 0,8m^3/ngày với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, nitơ, phốt pho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn:

- Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng:

+ Bụi phát sinh từ các hoạt động thi công đào đắp đất, san lấp phục vụ xây dựng móng và phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị;

+ Khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển;

+ Tiếng ồn phát sinh do vận hành máy móc thi công.

Quy mô phát sinh: Cục bộ và tức thời, mức độ nhỏ.

- Trong giai đoạn vận hành: Hầu như không phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng khoảng 12,5kg/ngày/vị trí lán trại, thành phần chủ yếu bao gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa;

+ Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng trung bình khoảng 1.400m^3/01 vị trí móng; thành phần chủ yếu bao gồm đất, đá, lớp phủ thực vật;

+ Lượng cây cối chặt bỏ với sinh khối khoảng 200m^3.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng khoảng 4,0 kg/ngày, thành phần chủ yếu bao gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa;

+ Chất thải rắn khác: Khối lượng khoảng 50 kg/năm, bao gồm một số thiết bị, phụ kiện trên tuyến đường dây hư hỏng cần thay thế như sứ cách điện, chuỗi đỡ, v.v.;

+ Lượng cây cối chặt tỉa với sinh khối khoảng 01 tấn/năm đến 03 tấn/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng: khối lượng khoảng 08 kg, bao gồm dầu rơi rớt, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn compact thải bỏ.

- Trong giai đoạn vận hành: khối lượng khoảng 08 kg/năm, bao gồm pin, bóng đèn compact thải bỏ, giẻ lau dính dầu mỡ.

2.6. Chiếm dụng đất; thu hồi đất rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Diện tích đất chiếm dụng thực hiện dự án là:

+ Diện tích đất cần thu hồi để xây dựng móng cột 2,81 ha (trong đó 1,35 ha là rừng tự nhiên sản xuất, rừng trồng sản xuất 0,05 ha).

+ Diện tích hành lang tuyến (không bao gồm diện tích móng cột): 71,35 ha (trong đó 36,65 ha là rừng tự nhiên sản xuất, rừng trồng sản xuất 4,4 ha).

+ Diện tích đất sử dụng tạm thời: 13,96 ha (trong đó 1,45 ha là rừng tự nhiên sản xuất, rừng trồng sản xuất 0,03 ha).

- Diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án: Tổng diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án là 4,72ha trong đó (diện tích có rừng tự nhiên sản xuất là 2,80ha; diện tích có rừng trồng sản xuất là 0,08ha; diện tích đất trống là 1,84ha), đây là diện tích rừng thuộc các vị trí móng cột và đường tạm thi công.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng

- Tại các vị trí lán trại bố trí các nhà vệ sinh di động, vừa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của lực lượng lao động, vừa đảm bảo các vấn đề về bảo vệ môi trường.

- Bố trí các hố lắng tạm để thu gom, lắng các nguồn nước thải sinh hoạt khác như tắm giặt, rửa thức ăn trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng hệ thống nhà vệ sinh và bể tự hoại sẵn có của đơn vị truyền tải điện.

3.2. Về thu gom, xử lý bụi; giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép

hoạt động còn hạn sử dụng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Tưới nước trong quá trình đào, đắp, san gạt và đầm nén tại các vị trí thi công móng cột trong điều kiện thời tiết khô, nóng có nguy cơ phát tán bụi cao.

- Che phủ thùng xe vận chuyển, quét dọn kịp thời vật liệu rơi vãi vật liệu xây dựng trong quá trình vận chuyển.

- Bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, máy móc thi công.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành

Hầu như không phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Đối với đất, đá thải trong quá trình thi công móng cột: Được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định; tái sử dụng cho mục đích phù hợp như san lấp mặt bằng...

- Đối với cây cối chặt bỏ: Được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định; tận dụng, sử dụng cho các mục đích phù hợp.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh; phối hợp với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh; phối hợp với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất; thu hồi đất rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

3.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng

- Chỉ thu hồi đất để thực hiện móng, cột; không thu hồi đất đối với hành lang tuyến và diện tích chiếm dụng tạm thời để thi công; thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định đối với hành lang tuyến và diện tích chiếm dụng tạm thời để thi công.

- Áp dụng biện pháp kỹ thuật, thi công phù hợp theo quy định, bảo đảm chiều cao dây dẫn vượt toàn bộ rừng tự nhiên trong hành lang tuyến và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái khu vực Dự án và lân cận.

- Trồng rừng thay thế cho diện tích rừng phải chuyển mục đích sử dụng và diện tích rừng phải chặt tỉa, đảm bảo an toàn tuyến đường dây trong thời gian vận hành theo quy định pháp luật hiện hành.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành

Tuyệt đối không chặt tỉa cây cối trong diện tích rừng tự nhiên hiện có.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

Dự án không có công trình bảo vệ môi trường chính thuộc đối tượng phải kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí các điểm giám sát: Tại các khu vực lán trại, khu vực thi công móng cột.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (tại những móng cột trong thi công trong thời điểm của 03 tháng đó).

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, BOD_5, tổng Coliform, dầu mỡ, Sunfua.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt đối với nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp đối với nước thải xây dựng.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại các khu vực lán trại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt quá trình thi công.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.1.3. Giám sát phát quang

- Vị trí giám sát: Các vị trí tuyến đường dây cắt qua diện tích đất có rừng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình phát quang.

- Yêu cầu giám sát: Đảm bảo phạm vi phát tuyến và cách thức xử lý thực bì từ quá trình phát quang đúng quy định.

5.1.4. Giám sát trượt lở

- Vị trí giám sát: Toàn bộ các vị trí móng cột có nguy cơ trượt lở.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công.

- Yêu cầu giám sát: Sớm phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục kịp thời, phù hợp.

5.2. Trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát điện từ trường

- Vị trí giám sát: 2 vị trí ở 2 đầu tuyến đường dây (trùng với TBA 220kV Mường Tè và TBA 220kV Pắc Ma).

- Thông số giám sát: Cường độ điện trường; tần số điện từ trường.

- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về việc quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Thông tư số 25/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp – Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc

5.2.2. Giám sát khác

- Giám sát thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

Vị trí giám sát: Tại khu vực phát sinh, nơi lưu chứa và quá trình xử lý.

Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt giai đoạn vận hành.

Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Giám sát xói mòn, sạt lở, sụt lún:

Vị trí giám sát: Tại các móng cột và trạm biến áp.

Tần suất giám sát: Mùa khô: 3 tháng/lần và mùa mưa: 01 tháng/lần.

Yêu cầu giám sát: Sớm phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục kịp thời, phù hợp.

- Giám sát phát quang hành lang tuyến:

Vị trí giám sát: Tại khu vực phát sinh, nơi lưu chứa và quá trình xử lý.

Tần suất giám sát: Khi thực hiện phát quang trong suốt giai đoạn vận hành.

Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Chủ dự án chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục sau: Được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương bằng văn bản và UBND tỉnh Lai Châu chấp thuận chuyển mục đích sử dụng phần diện tích rừng và đất rừng tự nhiên bị chiếm dụng bởi Dự án. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất công trình năng lượng, chuyển đổi rừng theo đúng quy định pháp luật; hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ đối với diện tích hành lang tuyến, diện tích đất chiếm dụng tạm thời để thi công tuyến đường dây và trạm biến áp; hoàn thành thủ tục giao đất, thuê đất theo các quy định của pháp luật.

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng khu vực Dự án và lân cận: Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 156/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 71/NQCP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản khác có liên quan.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch thi công đường dây tại những điểm giao cắt với đường giao thông; thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông.

- Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân về bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án có nghĩa vụ nộp đầy đủ số tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Lai Châu để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.

- Thực hiện nghiêm công tác cải tạo, phục hồi cảnh quan, hoàn trả diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp để phòng ngừa, chống sạt lở, xói mòn và bảo vệ môi trường đất khu vực dự án; kịp thời khắc phục, bồi thường các sự cố, thiệt hại đến môi trường do Dự án gây ra.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện các biện pháp cải tạo, nối đất công trình, bảo đảm quy định về an toàn điện của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định về bảo vệ hành lang an toàn lưới điện trong quá trình thi công và vận hành Dự án./.